

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02231**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tin học**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160214	Trần Duy Bảo	04/05/2009				6.5	6.5				7.8		7.3
2	2456201160215	Lê Hoàng Bình	15/10/2009				9	8.5				7.5		8.0
3	2456201160216	La Thị Ngọc Diệp	17/12/2009				8	8.5				7.5		7.8
4	2456201160217	Bùi Thanh Duy	06/08/2006				10	9.0				8.5		8.8
5	2456201160218	Tô Hùng Duy	21/04/2008				7	6.0				8.5		7.6
6	2456201160219	Trương Thanh Duy	19/09/1999				10	9.5				9.3		9.4
7	2456201160220	Nguyễn Thái Tiến Đạt	05/05/2008				9	7.0				6.0		6.7
8	2456201160221	Võ Trần Duy Đô	23/12/2006				8.5	9.0				8.5		8.6
9	2456201160222	Hoa Quốc Hào	19/12/2009				7.5	8.5				8.0		8.1
10	2456201160223	Hồ Đăng Hùng	31/07/2009				6.5	6.0				3.0	5.0	5.5
11	2456201160224	Đồng Hiểu Khang	03/11/2009				0	0.0				CT		0.0
12	2456201160226	Nguyễn Chí Khiết	12/07/2006				9	9.0				9.0		9.0
13	2456201160227	Lâm Tuấn Kiệt	09/02/2006				9	7.0				7.0		7.3
14	2456201160228	Trương Ngọc Lễ	09/11/2009				9	9.5				6.5		7.6
15	2456201160229	Trần Phước Linh	20/12/2009				8	8.0				4.0	5.3	6.4
16	2456201160230	Ngô Phước Lộc	11/01/2005				9	8.5				6.5		7.4
17	2456201160231	Nguyễn Quang Minh	25/10/2009				8	5.0				3.5	5.5	5.7
18	2456201160232	Lâm Thị Mỹ Ngân	07/12/2007				9	8.5				0.0	5.5	6.8
19	2456201160233	Nguyễn Phạm Kim Nguyên	08/01/2009				10	9.0				6.8		7.8
20	2456201160234	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	29/06/2009				9.5	9.0				7.3		8.0
21	2456201160235	Lê Thị Huyền Nhi	03/10/2004				10	9.0				9.0		9.1
22	2456201160236	Nguyễn Trọng Phúc	28/08/2009				0	0.0				CT		0.0
23	2456201160237	Phan Huỳnh Hữu Phúc	01/12/2009				7.5	7.0				7.8		7.5
24	2456201160238	Đoàn Minh Phước	26/09/2009				6	4.5				4.5	5.3	5.2
25	2456201160240	Lê Thị Thu Quỳnh	27/01/2009				7.5	8.0				6.5		7.0
26	2456201160241	Đỗ Thanh Sang	03/12/2008				7	7.5				0.0	0.0	2.9
27	2456201160242	Phạm Quang Sử	04/07/2009				9	7.0				6.5		7.0
28	2456201160243	Đặng Thành Tánh	30/12/2006				9.5	8.5				8.5		8.6
29	2456201160244	Trần Thiện Tâm	25/01/2008				8	7.5				8.0		7.9
30	2456201160245	Đặng Chí Thảo	29/04/2009				9	7.5				7.5		7.7
31	2456201160246	Nguyễn Trung Thắng	31/07/2008				6	9.0				9.0		8.6
32	2456201160247	Nguyễn Chí Thiện	26/08/2006				9	8.0				9.5		9.0
33	2456201160248	Nguyễn Phú Thuận	12/05/2009				7	7.5				5.0		5.9
34	2456201160249	Nguyễn Minh Thương	28/10/2009				9	9.5				8.8		9.0
35	2456201160250	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/02/2009				0	0.0				CT		0.0
36	2456201160251	Nguyễn Công Vinh	07/01/2009				9	7.0				7.0		7.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Cao Hồng Ngoan